Chi tiết mã HS 8102.99.00

Mã HS	8102.99.00
Mô tả hàng hóa	Molypđen và các sản phẩm làm từ molypđen, kể cả phế liệu và mảnh vụn / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 09:35:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/81029900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12405
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12405
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12405
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12405
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12405
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12405
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12405

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11749
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11692
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11692
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11692
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11692
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11692
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11692
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11744
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11744

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11744
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11744
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11744
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11744
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11745
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11745
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11745
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11745
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11745
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11745
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11748
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11698
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11704
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11704
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11704
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11704
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11704
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11704
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11737
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11737
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11737
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11737
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11737
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11737
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11782
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11782

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11782
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11782
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11782
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11782
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11767
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11767
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11767
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11767
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11767
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11767
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11767
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11767
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11767
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11767
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11767
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11767
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11784
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11784
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11784
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11784
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11784
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11784
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11783
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11783
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11783
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11783

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11783
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11783
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11730
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11730
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11730
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11730
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11730
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11730
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11730
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11767
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11767
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11767
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11767
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11767
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11767
RCEP B	2022	2022	0	B!D11767
RCEP B	2023	2023	0	B!E11767
RCEP B	2024	2024	0	B!F11767
RCEP B	2025	2025	0	B!G11767
RCEP B	2026	2026	0	B!H11767
RCEP B	2027	2027	0	B!I11767
RCEP C	2022	2022	0	C!D11767
RCEP C	2023	2023	0	C!E11767
RCEP C	2024	2024	0	C!F11767
RCEP C	2025	2025	0	C!G11767
RCEP C	2026	2026	0	C!H11767

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11767
RCEP D	2022	2022	0	D!D11766
RCEP D	2023	2023	0	D!E11766
RCEP D	2024	2024	0	D!F11766
RCEP D	2025	2025	0	D!G11766
RCEP D	2026	2026	0	D!H11766
RCEP D	2027	2027	0	D!I11766
RCEP E	2022	2022	0	E!D11770
RCEP E	2023	2023	0	E!E11770
RCEP E	2024	2024	0	E!F11770
RCEP E	2025	2025	0	E!G11770
RCEP E	2026	2026	0	E!H11770
RCEP E	2027	2027	0	E!I11770
RCEP F	2022	2022	0	F!D11767
RCEP F	2023	2023	0	F!E11767
RCEP F	2024	2024	0	F!F11767
RCEP F	2025	2025	0	F!G11767
RCEP F	2026	2026	0	F!H11767
RCEP F	2027	2027	0	F!I11767
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10886
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10886
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10886
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10886

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8102.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8102.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12405), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.